

*For my wife Thanh Bình
and our children Đức Mẫn, Đức Minh, Đức Thi
In memory of my mother Học and my father Tuấn*

VIETNAMESE WE
Beyond Divides

NGƯỜI VIỆT NAM CHÚNG TÔI
Bên kia bờ chia rẽ

NOUS AUTRES VIETNAMIENS
Au-delà des clivages

Texts | Những bài văn | Textes

Lady Borton Nguyễn Huy Thiệp Jean-Claude Guillebaud

COVER PICTURE ẢNH BÌA PHOTO DE COUVERTURE

Lạng Sơn 諒山 | 2000



Bùi Huy Trang

Foreword

Vietnamese We – Beyond Divides is a poignant visual story on a people told through image, text and sound, by a Vietnamese man who lives in Paris. For various reasons, I found this unusual art book known as *zixbook* both moving and thought-provoking.

As a writer, I understand the madness that can drive a man put pen to paper or grab a camera. And how, from that moment, as he emerges from anonymity, he may become a danger both to himself and to other people.

The author left Vietnam as a young boy; he grew up in France, where he still lives and works. His memories of Vietnam were quite vague. Then one day, returning to the land of his birth, a quite different world appeared before him. This new vision revealed an inner world which, in France, had lain dormant within him, or that he had perhaps suppressed deep in his subconscious. And this is how he discovered his vocation as an artist.

There are some books that have changed, and even shattered, the lives of their authors. There they are, quietly living their ordinary lives in this world, when one day, without really knowing why, they start creating a book. Such a book may be the author's downfall; or it may bring him something that he never could have imagined, and certainly never dreamed of. Whether this is a good or a bad thing, only Heaven, and the writer, can tell.

Vietnamese We – Beyond Divides uniquely symbolizes an authentic people in pictures but also tells us underneath the story of a return to the past, to the homeland, to the origins of a Vietnamese man living in exile. I read it with real pleasure yet also with envy. For me, this art book held many surprises. I hope that for you too, readers all over the world who have a place in your hearts for Vietnam, the *zixbook* will take you unawares.

I wish Bùi Huy Trang, the author of this atypical book, good luck as he embarks upon his new adventure.

Nguyễn Huy Thiệp
Vietnamese writer*

* Born in 1950 in Hanoi and world-acclaimed, this prominent clear-sighted author was awarded the Literature and Art medal by the French government on July 9, 2007 in Hanoi and the Nonino Risit d'Âur Prize on January 26, 2008 in Italy. Several of his collections of short stories (*The General Retires, Without a King, Love Story Told on a Rainy Night...*) have been translated and published by Oxford University Press and Curbstone Press, respectively in 1992 and 2003.

Tựa

Người Việt Nam chúng tôi - Bên kia bờ chia rẽ là câu chuyện thị giác đầy cảm động do một người Việt Nam sống ở Paris kể lại thông qua hình ảnh, văn bản và âm thanh. Vì nhiều lẽ, cuốn sách nghệ thuật lạ lùng được gọi là *zixbook* này khiến tôi suy nghĩ, đồng thời đánh thức nhiều xúc cảm trong tôi.

Là nhà văn, tôi hiểu rằng những xung năng quý ám có thể thúc đẩy một người bình thường cầm bút viết văn hay chụp lấy máy ảnh. Và rằng, kể từ đó trở đi, một khi đã bước ra khỏi sự vô danh, anh ta bỗng trở thành mối nguy cho chính mình và cho cả người khác.

Từ tấm bé, tác giả đã rời khỏi Việt Nam; kể từ đó anh lớn lên ở Pháp, đến nay vẫn sống và làm việc tại xứ sở này. Những kỷ niệm về quê hương trong anh khá mơ hồ. Nhưng rồi một ngày kia, khi trở về, anh phát hiện ra một thế giới khác, phát hiện mới mẻ ấy làm bộc lộ trong anh một vũ trụ nội tâm mà bình thường ở Pháp nó vẫn thiếp ngủ hoặc anh đã vùi giấu nó trong sâu thẳm tâm can mình. Và thế là khuynh hướng nghệ sĩ trong anh trỗi dậy.

Có những cuốn sách từng làm thay đổi, thậm chí phá vỡ cuộc đời tác giả của nó. Đang sống bình thường và yên ổn giữa mọi người, bỗng nhiên một ngày không thực sự rõ tại sao, ta lại bắt đầu sáng tác một cuốn sách. Cuốn sách đó có thể hoặc dẫn đến những mất mát trong ta, hoặc mang lại cho ta điều gì đó mà ta cũng chẳng bao giờ ngờ đến hay mong mỏi. Tác phẩm ấy có giúp gì cho ta không, chỉ Thượng đế và chính ta mới biết.

Theo cách thật đặc biệt, *Người Việt Nam chúng tôi - Bên kia bờ chia rẽ* là tượng trưng cho một dân tộc đích thực đồng thời cũng kể với chúng ta một hành trình quay về quá khứ, quay về với quê hương và cội rễ của một người Việt tha hương. Tôi đã đọc nó một cách thích thú và cả ghen tị nữa. Cuốn sách nghệ thuật này đã dành cho tôi xiết bao bất ngờ. Tôi hy vọng cả các bạn cũng vậy, thưa bạn đọc trên khắp thế giới, những người yêu mến đất nước Việt Nam, các bạn cũng sẽ gặp nhiều bất ngờ thú vị với cuốn *zixbook* này.

Tôi chúc cho Bùi Huy Trang, tác giả cuốn sách lạ lùng này, gặp nhiều may mắn trong cuộc phiêu lưu mới của anh.

Nguyễn Huy Thiệp

Nhà văn Việt Nam*

Préface

Nous Autres Vietnamiens – Au-delà des clivages est un récit visuel poignant sur un peuple qu’un Vietnamien de Paris nous fait partager par le texte, l’image et le son. Pour de multiples raisons, cet étrange livre d’art dénommé *zixbook*, tout en éveillant en moi des émotions, m’a donné à réfléchir.

En tant qu’écrivain, je comprends que des pulsions démoniaques aient pu pousser un individu à prendre la plume ou à se saisir d’un appareil photo. Et que, dès lors, sorti de l’anonymat, il soit devenu un danger pour lui-même comme pour autrui.

Tout jeune enfant, l’auteur a quitté le Vietnam ; il a grandi depuis en France où il vit et travaille. Ses souvenirs du pays natal sont restés assez vagues. Mais un jour, lors de son retour, un monde différent lui est apparu ; cette nouvelle vision a alors révélé en lui un univers intérieur qui, en France, dormait profondément en lui, ou qu’il avait enfoui au plus profond de lui-même. C’est ainsi qu’a émergé sa vocation d’artiste.

Il est des ouvrages qui ont changé, voire brisé la vie de leurs auteurs. Menant une existence ordinaire et paisible en société, un auteur se met un jour, sans que l’on sache vraiment pourquoi, à créer un livre. Celui-ci peut soit entraîner sa perte, soit lui offrir ce à quoi il ne s’est aussi jamais attendu, qu’il n’a nullement désiré. Que cette œuvre lui soit bénéfique ou non, seuls le Ciel et lui-même peuvent le savoir.

De manière singulière, *Nous Autres Vietnamiens – Au-delà des clivages* symbolise un peuple authentique mais nous raconte aussi un retour sur le passé, le pays natal et les origines d’un Vietnamien en exil. Je l’ai lu avec plaisir et envie à la fois. Ce livre d’art m’a réservé bien des surprises. J’espère que vous aussi, amis lecteurs du monde entier, épris du Vietnam, le *zixbook* vous prendra de court.

Je souhaite à l’auteur de cet ouvrage atypique, Bùi Huy Trang, beaucoup de chance dans sa nouvelle aventure.

Nguyễn Huy Thiệp

Écrivain vietnamien*

* Sinh năm 1950 tại Hà Nội, nhà văn sáng suốt này là một trong những chân dung văn chương đương đại nổi bật nhất Việt Nam. Ông viết truyện ngắn, kịch, tiểu luận, trong đó thành công nhất là truyện ngắn như *Tướng về hưu* (1987), *Không có vua* (1989) và *Truyện tình kể trong đêm mưa* (1998). Ông được mời đi nhiều nước và từng nhận Huân chương Văn học Nghệ thuật của Chính phủ Pháp tại Hà Nội (2007) và giải thưởng Văn chương Nonino của Ý tại Risit d’Âur (2008). Tác giả nổi tiếng thế giới này được xem là một “hiện tượng hiếm” của văn đàn Việt Nam.

* Né à Hanoï en 1950, cet auteur majeur et clairvoyant de renommée mondiale, fut consacré Chevalier des Arts et des Lettres par l’ambassadeur de France à Hanoï le 9 juillet 2007. Le Prix Nonino Risit d’Âur lui fut remis en Italie le 26 janvier 2008. Plusieurs recueils de ses nouvelles telles que *Un général à la retraite* (1987), *Il n’y a pas de roi* (1989) et *Conte d’amour un soir de pluie* (1998) ont été traduits et publiés aux éditions de l’Aube et Philippe Picquier.

得越南衆碑

邊真坡被執

熊川額

Hà Nội 河内 | 2013









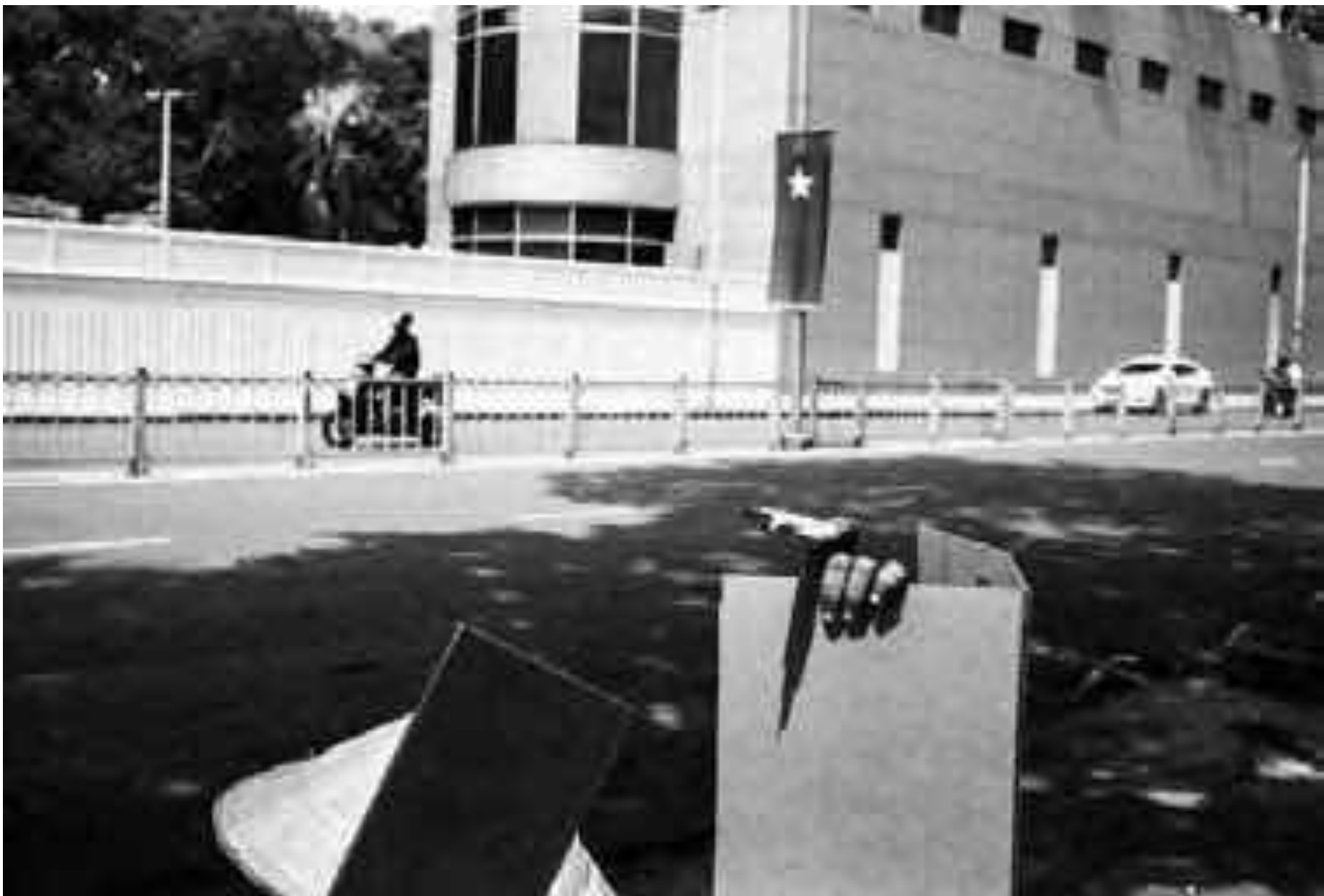


Hà Nội 河内 | 2017



Trà Vinh 茶榮 | 2013





















Nha Trang 芽庄 | 1997



Vũng Tàu 湊 罈 | 2008



Hà Nội 河内 | 2000







Mèo Vạc 苗旺 | 2000





Mèo Vạc 苗旺 | 2000



Bắc Quang 北光 | 2000



Bảo Thắng 保勝 | 2000



Mèo Vạc 苗旺 | 2000





Sa Pa 沙巴 | 2000





Bắc Hà 北河 | 2000







Hải Dương 海陽 | 2000











Châu Đốc 朱篤 | 2014

























Point of view

Translators are servants. They labor in silence, mining a source, conveying its soul to others. Bùi Huy Trang is a photographer and a poet, but he is also a translator, bringing us a depth of soul we seldom see.

Mr. Trang has titled his work in English, Vietnamese, and French. Regardless of language, the phrases *Vietnamese We – Beyond Divides*, *Người Việt Nam chúng tôi - Bên kia bờ chia rẽ* and *Nous autres Vietnamiens - Au-delà des clivages* carry several meanings. In their most restricted usage, they may refer only to the Việt (or Kinh), one of Vietnam’s fifty-five ethnic groups. More broadly, they may denote citizens of a nation, Việt Nam, and thus include all its ethnic groups. More broadly still, these phrases may embrace all people of Vietnamese heritage wherever they live.

In this work, Bùi Huy Trang concentrates on lives of ordinary Kinh (Việt) in Vietnam yet also introduces other ethnic groups. He takes us on a nationwide tour of Vietnam – north, center, and south; lowlands, midlands, and highlands. In such a unique manner he also reveals the ineffable homesickness of overseas Vietnamese living in the world.

The result is a tour de force, for Bùi Huy Trang translates the quintessential yet untranslatable Vietnamese phrase: *Quê Hương*.

Quê Hương does not mean birth place. Nor is the phrase adequately rendered by homeland. Except for a few matrilineal

ethnic minority groups, *Quê Hương* refers to the father’s ancestral home.

Vietnamese believe the living can access the spirits of the departed as a source of wisdom and guidance. Each household honors deceased ancestors with a family altar displaying candles or lamps, fruits, flowers, and an incense urn. The family adds to the altar special dishes, votive money, and other ceremonial objects (e.g. clothes, motorcycles) fashioned from paper on a family member’s death-day anniversary and at Tết to welcome the ancestors back home to celebrate the Lunar New Year.

Vietnamese both inside and outside the country may have never visited their *Quê Hương*, the site of their ancestors’ graves. Nevertheless, their ancestors’ spirits stretch across time and space, drawing the thoughts of Vietnamese back to the source of their family’s soul, back to the source of their very own soul.

With Vietnamese We - Beyond Divides / Người Việt Nam chúng tôi - Bên kia bờ chia rẽ / Nous autres Vietnamiens - Au-delà des clivages, we tour Vietnam and the world. We experience the essence of life for ordinary Vietnamese citizens, both Kinh and other ethnic groups. We reach across borders and explore a heritage. We delve into a wider vision of *Quê Hương* with Bùi Huy Trang as he explores his heritage and translates the source of his own soul.

Lady Borton

American writer*

* As a true lover of Vietnam born in 1942, she is a journalist-author, academic and charity activist who talks authoritatively about this country from a unique perspective, having incredibly lived there both during and after the war and learnt its culture and language. Her books include *After Sorrow: An American Among the Vietnamese* (1995), *Sensing the Enemy: An American woman among the boat people of Vietnam* (1984) and *Hồ Chí Minh: A Journey* (2007).

Quan điểm

Nhà dịch thuật là người phục vụ. Họ âm thầm làm việc, khơi nguồn và truyền tải cảm hứng cho mọi người. Bùi Huy Trang là một nhà nhiếp ảnh, một thi sĩ và còn là một nhà dịch thuật, vì thế ông đưa ta đi tới tận đáy sâu của tâm hồn mà ít khi ta có thể cảm nhận được.

Ông đặt tên cho tác phẩm bằng ba thứ tiếng: Anh, Việt và Pháp.Trong bất cứ ngôn ngữ nào thì các cụm từ *Vietnamese We – Beyond Divides*, *Người Việt Nam chúng tôi – Bên kia bờ chia rẽ* và *Nous autres Vietnamiens – Au-delà des clivages* cũng mang nhiều ý nghĩa. Theo nghĩa hẹp, cụm từ này chỉ đề cập đến người Việt (dân tộc Kinh), một trong năm mươi năm dân tộc sinh sống ở Việt Nam. Theo nghĩa rộng, cụm từ này còn biểu thị công dân nước Việt Nam gồm tất cả các dân tộc. Hơn thế nữa, cụm từ đó còn bao gồm cả những người gốc Việt Nam sinh sống ở khắp mọi nơi trên thế giới. Trong công trình này, Bùi Huy Trang vừa miêu tả nhất là cuộc sống của người Kinh (Việt) bình thường vừa giới thiệu những dân tộc thiểu số khác. Ông đưa ta đi tham quan ba miền đất nước, từ cao nguyên, trung nguyên đến vùng đồng bằng. Ông còn biểu lộ một cách thực sự duy nhất những nỗi niềm lòng nhớ quê hương không tả được của cộng đồng Việt hải ngoại đang sinh sống trên khắp thế giới.

Tác phẩm của Bùi Huy Trang quả là một kỳ công vì ông đã lột tả được hai chữ quê hương mang đậm tính dân tộc nhưng thật khó diễn giải.

Quê hương không phải là nơi sinh ra mà cũng chẳng phải là xứ sở. Ngoại trừ những dân tộc thiểu số theo chế độ mẫu hệ, quê hương chính là quê cha đất tổ. Người Việt tin rằng người sống có thể giao tiếp được với linh hồn người đã khuất để nhờ họ che chở và phù hộ. Vì thế nhà nào cũng thờ cúng ông bà, tổ tiên.Trên bàn thờ có đèn, nến, hoa quả và bát hương. Vào ngày giỗ, mọi gia đình đều đặt lên bàn thờ những món ăn truyền thống, tiền giấy cùng những vật dụng nghi lễ khác bằng giấy như quần áo và xe máy.Vào dịp Tết, họ rước tổ tiên về nhà chào đón năm mới. Hiện có người Việt trong và ngoài nước chưa có dịp về thăm quê hương, nơi lưu giữ phần mộ của tổ tiên họ.Nhưng linh hồn tổ tiên sẽ vượt qua thời gian và không gian để giúp họ hướng về cội nguồn tâm hồn gia đình và quay về với tâm hồn của họ.

Tác phẩm *Vietnamese We – Beyond Divides / Người Việt Nam chúng tôi – Bên kia bờ chia rẽ / Nous autres Vietnamiens – Au-delà des clivages* đưa chúng ta đi du lịch Việt Nam và thế giới. Chúng ta cảm nhận được tinh chất của cách sống của người Việt Nam bình thường, người Kinh và các dân tộc anh em. Chúng ta vượt không gian để khảo sát một di sản văn hóa. Và trong cuộc hành trình tìm về cội nguồn của ông, Bùi Huy Trang đã bộc lộ tâm hồn mình để giúp chúng ta có được một tầm nhìn rộng lớn hơn về hai chữ quê hương.

Lady Borton

Nhà văn Mỹ*

Point de vue

Les traducteurs sont des serviteurs. Ils travaillent en silence, exploitant un gisement dont ils extraient l’âme pour autrui. Bùi Huy Trang est un photographe et un poète mais aussi un traducteur ; pour nous, il ramène à la surface une profondeur d’âme rarement visible.

M. Trang a intitulé son œuvre en anglais, vietnamien et français. Quelle que soit la langue, les expressions *Vietnamese We – Beyond Divides*, *Người Việt Nam chúng tôi – Bên kia bờ chia rẽ* et *Nous autres Vietnamiens – Au-delà des clivages* sont polysémiques. Dans leur usage le plus restreint, elles peuvent se rapporter seulement aux Việt (ou Kinh), l’un des cinquante-cinq groupes ethniques du Vietnam. Plus largement, elles peuvent désigner les citoyens d’une nation, Việt Nam, et inclure ainsi tous ses groupes ethniques. De façon plus large encore, elles peuvent recouvrir toute personne d’origine vietnamienne, où qu’elle vive.

Si, dans cet ouvrage, Bùi Huy Trang se concentre sur la vie des Kinh (Việt) ordinaires au Vietnam, il présente également d’autres groupes ethniques. Il nous emmène dans tout le Vietnam : nord,centre et sud ; plaines,collines et montagnes. D’une manière vraiment unique, il révèle aussi l’indicible nostalgie de la diaspora vietnamienne dans le monde pour son pays d’origine.

Le résultat est un coup de maître car Bùi Huy Trang parvient à expliquer l’expression vietnamienne *Quê Hương*, fondamentale et pourtant intraduisible.

Quê Hương ne signifie pas le lieu de naissance. De même, la mère patrie ou la terre natale traduit mal ce terme.Sauf pour quelques groupes ethniques minoritaires et matrilineaires,

Quê Hương fait référence au berceau ancestral paternel que désignait le mot patrie dans l’Antiquité.

Les Vietnamiens croient que les vivants peuvent consulter les esprits des morts comme source de sagesse et de conseil. Chaque foyer honore les ancêtres défunts sur l’autel familial où sont disposés bougies, lampes, fruits, fleurs et une urne à encens. Le jour anniversaire de la mort de l’un de ses membres, la famille complète l’autel avec des mets spécifiques, de l’argent votif et d’autres objets cérémoniels fabriqués en papier (par exemple des vêtements et des motos). A la fête du Tết, elle accueille ainsi les ancêtres qui reviennent au foyer célébrer le Nouvel An lunaire.

Certains Vietnamiens, qu’ils vivent au pays ou à l’étranger, n’ont jamais visité leur *Quê Hương*,le site des tombes de leurs ancêtres. Cependant, les esprits de ces derniers se déploient dans le temps et dans l’espace pour ramener les pensées de ces Vietnamiens à la source de l’âme de leur famille, à la source de leur propre âme.

Vietnamese We - Beyond Divides / Người Việt Nam chúng tôi - Bên kia bờ chia rẽ / Nous autres Vietnamiens - Au-delà des clivages nous fait voyager au Vietnam et dans le monde. Nous goûtons à l’essence de la vie qu’éprouve tout citoyen vietnamien ordinaire,qu’il soit Kinh ou issu d’un autre groupe ethnique. Nous partons par-delà les frontières à la découverte d’un patrimoine culturel. En explorant son patrimoine culturel et en traduisant la source de son âme propre, Bùi Huy Trang nous entraîne dans une vision plus vaste du *Quê Hương*.

Lady Borton

Écrivaine américaine*

^[1] * Née en 1942 à Washington DC, elle est une journaliste, traductrice et activiste sociale pour qui le Vietnam est une seconde patrie dont elle lit et parle la langue. Probablement l’unique Américaine à avoir vécu la guerre américaine au Vietnam dans le Nord et le Sud du pays depuis 1969, elle est connue du public pour ses activités littéraires et surtout humanitaires. Parmi ses livres figurent Vietnam l’après-chagrin – Une Américaine au milieu des Vietnamiens (1995, 2007), Sentir l’Ennemi - Une Américaine au milieu des « boat people » vietnamiens (1984) et Hồ Chí Minh - Le parcours d’une vie (2007).

I Dream of a Country

I dream of a country
that is exemplary, honorable,
modern and thriving,
whose captivating people
dare to be who they really are.

I dream of a country
where people help one another,
educate and express themselves,
love and forgive.

I dream of a country
that guards its soul
together with its cultural
footprint and otherness.

I dream of a country
where words, speech,
images and acts
make real sense,
like life and death.

I dream of a country
that can free itself for all time
from lies and illusion,
from ideology, basically.

I dream of a country
where people are interested in
more than just the passing,
perceptible, terrestrial things.

I dream of a country
where everyone has faith
in their own intrinsic qualities,
where everyone can draw down
deep within themselves
and be the best they can
to invent their own future.

Tôi hằng mơ một đất nước

Tôi hằng mơ một đất nước
gương mẫu, đáng tôn kính,
hiện đại và thịnh vượng,
với người dân đáng mến
dám là chính mình.

Tôi hằng mơ một đất nước,
người đời giúp đỡ nhau,
luôn luôn trau dồi văn hoá
và dám cất lời,
biết yêu và tha thứ.

Tôi hằng mơ một đất nước
biết bảo tồn tâm hồn cùng với
dấu ấn và sự khác biệt
văn hoá của mình.

Tôi hằng mơ một đất nước,
ở đó từ ngữ, lời nói,
hình ảnh và hành động
mang ý nghĩa thực sự,
như cuộc sống và cái chết.

Tôi hằng mơ một đất nước
biết tự giải phóng vĩnh viễn
khỏi những mối hão và ảo tưởng,
tóm lại, khỏi mọi ý thức hệ.

Tôi hằng mơ một đất nước,
nơi con người không chỉ
quan tâm đến những gì là
trần thế, tri giác được,
những điều phù du.

Tôi hằng mơ một đất nước,
nơi mỗi người tin ở bản lĩnh riêng,
mỗi người cố gắng hết mình
để vươn lên trên chính mình
và tự sáng tạo tương lai.

Je rêve d'un pays

Je rêve d'un pays
exemplaire, honorable,
moderne et prospère
dont le peuple attachant
ose être lui-même.

Je rêve d'un pays
où les gens s'entraident,
se cultivent et s'expriment,
aiment et pardonnent.

Je rêve d'un pays
qui préserve son âme
ainsi que son empreinte
et son altérité culturelles.

Je rêve d'un pays
où les mots, les paroles,
les images et les actes
ont un vrai sens,
tout comme la vie et la mort.

Je rêve d'un pays
qui pour toujours se libère
des leurres et des illusions,
de toute idéologie en somme.

Je rêve d'un pays
où l'on ne s'intéresse pas
qu'aux choses terrestres,
perceptibles, éphémères.

Je rêve d'un pays
où chacun croit
en ses qualités intrinsèques,
où chacun puise
au plus profond de soi-même
pour se dépasser,
et inventer son propre avenir.



My Caged Bird’s Eyes

In Bhopal, I helped a blind man
across the road,
in Berlin, I went over the Wall at midnight
since the dice were loaded anyway,
in Lisbon, I sang the fado
with the gypsies on the beach,
in Budapest, I got drunk
with a tramp under a bridge,
in Paris, the hundred year-old
Eiffel Tower knelt beside me
at the altar of our ancestors,
in New York, I stared
at every yellow cab driver
to see if he was Robert de Niro,
in Havana, I thought I was
a talented writer,
in Buenos Aires, I played the harmonica
all night long with the moon,
in Kigali, I danced with wild abandon
with a one-eyed monkey,
in Sydney, I slipped a postcard
into a kangaroo’s pouch,
in Minamata, I felt the presence
of William Eugene Smith,
and the relevance
of the Tomb of the Fireflies,
in Shanghai, I smoked opium
with a Chinese leader,
in Yagon, I suffocated
under a rain of bullets and tear gas,
in Jakarta, I had a kriss fight
with my shadow,
in Saigon, a prostitute outside
the Hotel Continental mistook me
for a reporter from the old days,
in Hue, the Perfumed River plunged me
into the depths of the sorrow of war
to tell me Bao Ninh’s tale,
in Hanoi, a dignified old man
wanted to polish my shoes;
and my refusal did nothing to wipe
the terrible grin from his face.
Since then, I am wading through mud,
I drown myself in the monsoon,
I look for him everywhere,
to beg his forgiveness.
He’s the only one who knows
the secret of my caged bird’s eyes.

Đôi mắt chim trong lồng của tôi

Ở Bhopal, tôi giúp
một người mù qua đường,
ở Berlin, nửa đêm tôi vượt qua Tường,
vì ván bài gian xảo,
ở Lisboa, tôi hát điệu fado
với đám di-gan trên bãi biển,
ở Budapest, tôi uống say mềm
với một gã cù bơ cù bất dưới găm cầu,
ở Paris, tháp Eiffel cổ kính quỳ gối
cạnh tôi trước bàn thờ tổ tiên,
ở New York, tôi nhìn trừng trừng
vào mặt những gã lái tắc xi vàng,
để thấy lại Robert de Niro,
ở Havana, tôi nghĩ mình là
một văn sĩ có tài,
ở Buenos Aires, tôi thổi ácmonica
suốt đêm với văng trắng,
ở Kigali, tôi khiêu vũ
không chút mặc cảm
với một con khỉ chột,
ở Sydney, tôi lén nhét
một tấm bưu ảnh
vào túi một con kanguru,
ở Minamata, tôi cảm thấy sự hiện diện
của William Eugene Smith,
và tính xác đáng
của Năm mồ đom đóm,
ở Thượng Hải, tôi hút thuốc phiện
với một nhà lãnh đạo Trung Quốc,
ở Yagon, mưa đạn và khí làm chảy
nước mắt làm cho tôi nghẹt thở,
ở Djakarta, tôi đấu dao găm kriss
với bóng mình,
ở Sài Gòn, một ả điểm trước
khách sạn Continental nhằm tôi
với một tay phóng viên năm xưa,
ở Huế, Sông Hương đẩy tôi vào
nỗi buồn vô tận vì chiến tranh
khi kể chuyện Bảo Ninh,
ở Hà Nội, một ông già đẩy phẩm cách
xin đánh giày cho tôi; mặc dù tôi từ chối,
ông vẫn mỉm cười - nụ cười dễ sợ.
Từ đó, tôi lội trong bùn,
tôi ngập chìm trong gió mùa,
kiếm tìm ông khắp chốn
để cầu xin ông tha thứ.
Chỉ mình ông hiểu bí mật
đôi mắt chim trong lồng của tôi.

Mes yeux d’oiseau en cage

À Bhopal, j’ai aidé un aveugle
à traverser la rue,
à Berlin, j’ai fait le Mur à minuit
car les dés étaient pipés,
à Lisbonne, j’ai chanté le fado
sur la plage avec des gitans,
à Budapest, je me suis soûlé
sous un pont avec un clochard,
à Paris, la tour Eiffel centenaire
s’est agenouillée à mes côtés
devant l’autel des ancêtres,
à New York, j’ai dévisagé
les chauffeurs de taxi jaune
pour retrouver Robert de Niro,
à La Havane, je me suis pris
pour un écrivain de talent,
à Buenos Aires, j’ai joué de l’harmonica
toute la nuit avec la lune,
à Kigali, j’ai dansé sans complexe
avec un singe borgne,
à Sydney, j’ai glissé une carte postale
dans la poche d’un kangourou,
à Minamata, j’ai senti la présence
de William Eugene Smith, et la pertinence
du Tombeau des Lucioles,
à Shanghai, j’ai fumé de l’opium
avec un dirigeant chinois,
à Yagon, j’ai suffoqué sous une pluie
de balles et de gaz lacrymogène,
à Djakarta, je me suis battu
au kriss avec mon ombre,
à Saïgon, une prostituée devant
l’hôtel Continental m’a confondu
avec un reporter d’antan,
à Huê, la Rivière des Parfums
m’a plongé au fin fond
du chagrin de la guerre
pour me raconter Bao Ninh,
à Hanoi, un vieil homme digne
a voulu cirer mes chaussures ;
mon refus n’a altéré en rien
son terrible sourire.
Depuis, je me traîne dans la boue,
je me noie dans la mousson,
je le cherche partout,
pour implorer son pardon.
Lui seul connaît le secret
de mes yeux d’oiseau en cage.



傳越南眾碑

● 遺集校跋批

熊頤











Hà Nội 河内 | 2010



Hà Nội 河内 | 2008











Hà Nội 河内 | 2010























Paris | 1999



Paris | 2014



Paris | 2016









Little Saigon, Westminster | 2015



Fairfield Showground, Sydney | 2016



Cabramatta, Sydney | 2016













Seoul 서울시 | 2016



Toronto | 2016













Berlin | 2016



Moskva МОСКВА | 2016







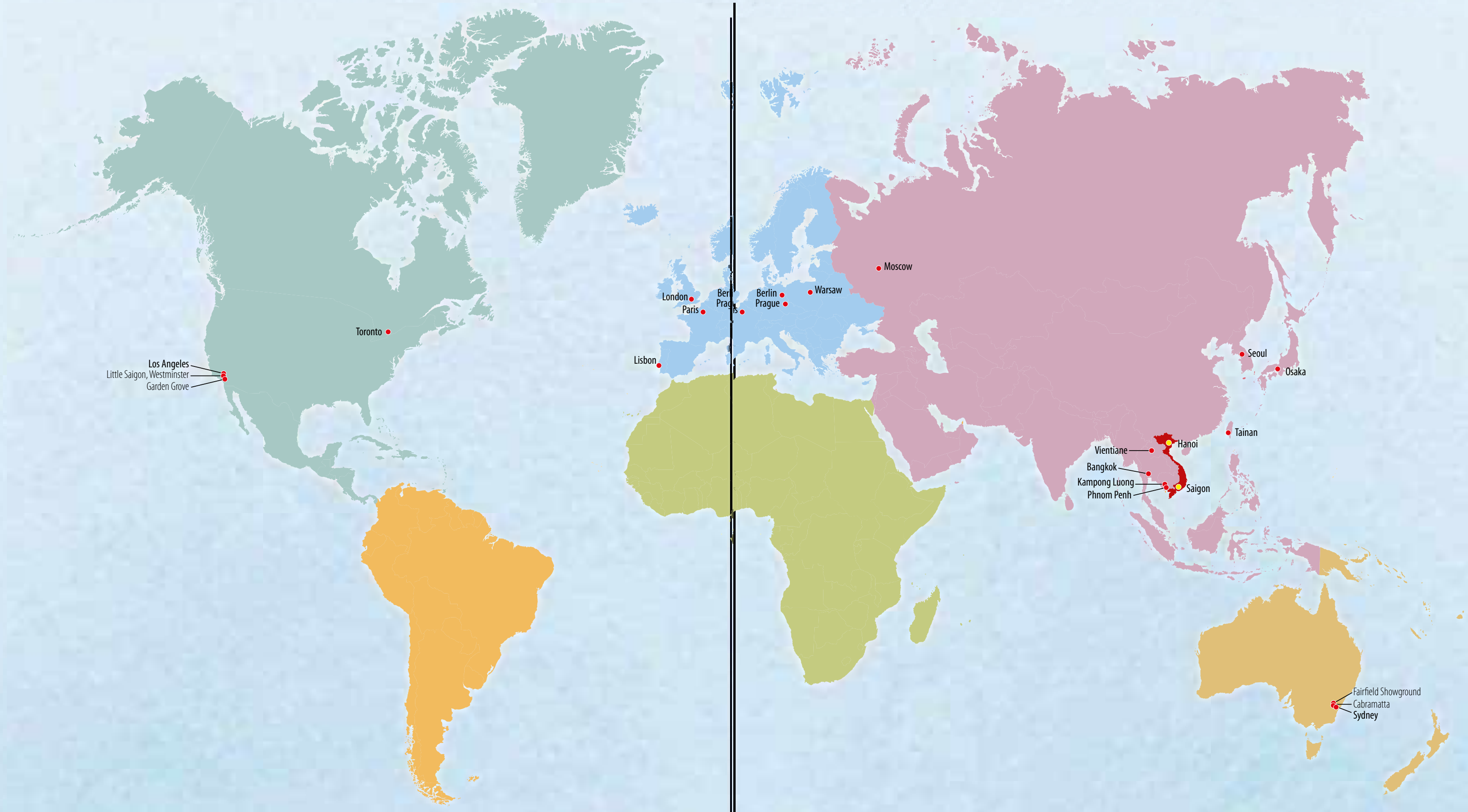


London | 2016





001. Hà Nội 2013	026. Bảo Thắng 2000	051. Hạ Long 2002	076. Garden Grove 2015
002. Hà Nội 2013	027. Mèo Vạc 2000	052. Sài Gòn 2002	077. Westminster 2015
003. Sài Gòn 2013	028. Sa Pa 2000	053. Sài Gòn 2014	078. Westminster 2015
004. Hà Nội 2000	029. Bắc Hà 2000	054. Sài Gòn 2014	079. Westminster 2015
005. Hà Nội 2013	030. Bắc Hà 2000	055. Tây Ninh 2002	080. Fairfield Showground 2016
006. Hà Nội 2017	031. Tân Rai 2013	056. Hà Nội 2010	081. Cabramatta 2016
007. Trà Vinh 2013	032. Hà Nội 2008	057. Hà Nội 2008	082. Kampong Luong 2015
008. Sài Gòn 2017	033. Hà Nội 1997	058. Hà Nội 2010	083. Kampong Luong 2015
009. Hòn Khói 2013	034. Hải Dương 2000	059. Huế 2013	084. Phnom Penh 2015
010. Huế 2013	035. Bảo Lộc 2013	060. Hải Dương 2008	085. Osaka 2016
011. Thạch An 2000	036. Châu Đốc 2014	061. Đà Lạt 2013	086. Seoul 2016
012. Châu Đốc 2013	037. Tịnh Biên 2014	062. Hà Nội 2010	087. Seoul 2016
013. Châu Đốc 2013	038. Phú Quốc 2014	063. Hà Nội 2010	088. Toronto 2016
014. Phú Quốc 2014	039. Châu Đốc 2014	064. Hà Nội 2010	089. Toronto 2016
015. Hội An 2013	040. Sài Gòn 2017	065. Hà Nội 2010	090. Tainan 2016
016. Bến Tre 2013	041. Sài Gòn 2017	066. Bảo Lộc 2013	091. Bangkok 2015
017. Nha Trang 1997	042. Sài Gòn 2017	067. Hà Nội 2010	092. Vientiane 2015
018. Vũng Tàu 2008	043. Ba Chúc 2014	068. Phú Quốc 2014	093. Berlin 2016
019. Hà Nội 2000	044. Ba Chúc 2013	069. Hà Nội 2002	094. Berlin 2016
020. Đức Hòa 1997	045. Sài Gòn 2014	070. Sài Gòn 2014	095. Moskva 2016
021. Bắc Kạn 2000	046. Sài Gòn 2014	071. Sài Gòn 2008	096. Praha 2016
022. Mèo Vạc 2000	047. Sài Gòn 2014	072. Sơn Tây 2008	097. Warszawa 2016
023. Tuần Giáo 2000	048. Hà Nội 2017	073. Paris 1999	098. Lisboa 2017
024. Mèo Vạc 2000	049. Sài Gòn 2017	074. Paris 2014	099. London 2016
025. Bắc Quang 2000	050. Sài Gòn 2017	075. Paris 2016	100. Phú Quốc 2014





Editor's Note

There are many art photography works that focus on a single country, but very few dealing specifically with its people. Two legendary books exist though, published half a century ago: Robert Frank's *The Americans* (1959) and René Burri's *Die Deutschen* (*The Germans*) (1962). Then there were Donald McCullin & Jonathan Dibley's *The Palestinians* (1979), Eugene Richards' *Americans We* (1994), Gianni Berengo Gardin's *Italiani* (*Italians*) (1999), Robert van der Hilst & Zoé Valdés' *Les Cubains* (*The Cubans*) (2001), Bruno Barbey's *The Italians* (2002), Marc Riboud's *Les Tibétains* (*The Tibetans*) (2009), Raghu Rai's *The Indians : Portraits from my Album* (2010), Leonard Freed's *The Italians* (2011) and Olivier Beytout & Leonardo Padura/Una Liutkus' *Les Cubains* (*The Cubans*) (2012). In spite of the wealth of books available worldwide about Vietnam, there would be still not one art photography book that introduces the Vietnamese. This project humbly endeavors to fill that gap.

What could be more challenging than portraying without forgetting its 5 million diaspora, the 96 million inhabitants of a fascinating country characterized by a cultural diversity of 55 different ethnic groups and a past that stretches back 4,000 years? How could we grasp the spirit of a nation without becoming trapped in the clichés of its multifaceted cultural footprint? Bùi Huy Trang presents a humanist and subjective vision of the Vietnamese people. His sensitive and empathic eye leads us through 50 black & white and 50 color photographs. All these pictures were shot with Leica cameras and lenses during several reportage trips across and outside Vietnam over two decades (1997-2017), the result of chance meetings, as amazing as they were enriching, with men and women from all walks of life. The author has selected and ordered them with the greatest care and the deepest respect for his compatriots to reveal the complexity of their soul, character and personality, while, underlying all this, questioning the nature of time, existence and death. In them he finds a fleeting reality that shakes him to the core and which he has consistently avoided shrouding in an aesthetic discourse that is not his own. Whether real, virtual or mental, the images fuse later with the spiritual music of two Buddhist singing bowls. The author also offers two prose poems that he wrote in accompaniment to a meditation music and the photographs, which are deceptively simple, yet remarkably full of life and truth. He finally wanted to pay tribute to *Chữ Nôm*, the former Vietnamese script, in this multimedia book known as *zixbook* which connects picture, text and sound for creating the *sensory image*.

Thông điệp của nhà xuất bản

Sách ảnh nghệ thuật về một đất nước cụ thể có rất nhiều. Thế nhưng những cuốn sách biểu trưng cho chính con người nơi đó lại cực hiếm. Tuy nhiên vẫn có hai ấn bản tham khảo huyền thoại ra đời cách đây nửa thế kỷ : *Les Américains* (Những người Mỹ) (1958) của Robert Frank và *Die Deutschen* (Những người Đức) (1962) của René Burri. Ta có thể kể thêm *The Palestinians* (Những người Palestine) (1979) của Donald McCullin & Jonathan Dimbleby, *Americans We* (Người Mỹ chúng ta) (1994) của Eugene Richards, *Italiani* (Người Ý) (1999) của Gianni Berengo Gardin, *Les Cubains* (Những người Cuba) (2001) của Robert van der Hilst & Zoé Valdés, *Les Italiens* (Những người Ý) (2002) của Bruno Barbey, *Les Tibétains* (Những người Tây Tạng) (2009) của Marc Riboud, *The Indians: Portraits from My Album* (Những người Ấn Độ : Chân dung từ album của tôi) (2010) của Raghu Rai, *The Italians* (Những người Ý) (2011) của Leonard Freed, và *Les Cubains* (Những người Cuba) (2012) của Olivier Beytout & Leonardo Padura/Una Liutkus. Dù danh mục các tác phẩm trên thế giới về Việt Nam rất phong phú, cho đến ngày nay, hẳn vẫn chưa có cuốn sách ảnh nghệ thuật nào giới thiệu con người Việt Nam. Dự án này mong sao có thể góp phần khiêm nhường vào việc khỏa lấp thiếu sót ấy.

Nhưng làm thế nào để phác họa chân dung 96 triệu cư dân của một đất nước làm đắm say lòng người mà đặc điểm nổi bật là sự đa dạng văn hóa của 55 dân tộc và một quá khứ lịch sử trên 4.000 năm, mà không bỏ quên 5 triệu người Việt hải ngoại? Làm sao nắm bắt được chính tinh thần của một quốc gia mà không bị vướng vào những khuôn sáo về dấu ấn văn hóa muôn hình vạn dạng của quốc gia ấy? Bùi Huy Trang đưa ra một cái nhìn nhân văn và chủ quan về người dân Việt Nam. Con mắt nhìn nhạy cảm và đồng cảm của ông chuyển hóa thành 50 tấm ảnh đen trắng và 50 tấm ảnh màu. Những hình ảnh này được lấy từ nhiều phóng sự ảnh thực hiện bằng máy ảnh phim Leica bên trong và bên ngoài đất nước Việt Nam trong suốt hai thập kỷ, từ 1997 đến 2017, thông qua những gặp gỡ vừa tuyệt diệu vừa bổ ích với những người đàn ông và những người phụ nữ thuộc mọi tầng lớp xã hội. Tác giả đã chọn lọc và sắp xếp các tấm ảnh hết sức cẩn thận để phát lộ, bằng sự tôn trọng sâu sắc đối với đồng bào mình, sự phức tạp trong tâm hồn, tính cách và cá tính của họ, đồng thời đặt ra những câu hỏi hàm ẩn về thời gian, sự sống và cái chết. Qua những bức ảnh ấy, ông đã thấy lại bao thực tế thoáng qua từng làm ông xáo động, mà ông luôn tránh che phủ chúng bằng một thứ thẩm mỹ vay mượn. Dưới dạng hiện thực, tiềm tàng hay tinh thần, sau đó chúng hòa quyện với âm nhạc tâm linh của hai chuông bát Phật giáo. Tác giả còn giới thiệu hai bài thơ bằng văn vần mình đã viết, với khúc nhạc trầm ngâm, như đệm cho những tấm ảnh dễ tưởng lầm là giản đơn, mang đậm dấu ấn sự sống và sự chân xác này. Cuối cùng ông muốn bày tỏ lòng thành kính đối với chữ Nôm, chữ viết cổ của người Việt, trong cuốn sách đa phương tiện có tên là *zixbook* này mà ở đó có sự kết hợp giữa hình ảnh, văn bản và âm thanh để tạo nên cái được gọi là *hình ảnh giác quan*.

Note éditoriale

Les ouvrages d’art photographique sur un pays spécifique sont légion. Ceux qui symbolisent son peuple propre s’avèrent par contre rarissimes. Il existe pourtant deux références mythiques parues il y a un demi-siècle : *Les Américains* (1958) de Robert Frank et *Les Allemands* (1962) de René Burri. Citons ensuite *The Palestinians* (*Les Palestiniens*) (1979) de Donald McCullin & Jonathan Dimbleby, *Americans We* (*Nous autres Américains*) (1994) d’Eugene Richards, *Italiani* (*Italiens*) (1999) de Gianni Berengo Gardin, *Les Cubains* (2001) de Robert van der Hilst & Zoé Valdés, *Les Italiens* (2002) de Bruno Barbey, *Les Tibétains* (2009) de Marc Riboud, *The Indians: Portraits from My Album* (*Les Indiens : Portraits de mon album*) (2010) de Raghu Rai, *The Italians* (*Les Italiens*) (2011) de Leonard Freed, et *Les Cubains* (2012) d’Olivier Beytout & Leonardo Padura/Una Liutkus. Malgré la richesse de la bibliographie mondiale sur le Vietnam, il n’y aurait encore à ce jour aucun livre d’art photographique qui présente les Vietnamiens. Le présent projet s’attache humblement à combler cette lacune.

Mais comment brosser, sans oublier les 5 millions de Vietnamiens d’outre-mer, le portrait des 96 millions d’habitants d’un fascinant pays que caractérisent une diversité culturelle de 55 ethnies et un passé historique de 4.000 ans ? Comment capter l’esprit même d’une nation sans s’empêtrer dans les clichés de son empreinte culturelle multiforme ? Bùi Huy Trang présente une vision humaniste et subjective du peuple vietnamien. Sensible et empathique, son regard se décline en 50 photographies noir & blanc et 50 photographies couleur. Ces images proviennent de plusieurs reportages effectués au Leica à l’intérieur et à l’extérieur du Vietnam sur deux décennies (1997-2017), au gré des rencontres aussi merveilleuses qu’enrichissantes avec des hommes et des femmes de toutes conditions sociales. L’auteur les a sélectionnées et ordonnées avec le plus grand soin pour révéler par le profond respect qu’il porte à ses compatriotes, la complexité de leur âme, de leur caractère et de leur personnalité tout en questionnant en filigrane sur le temps, l’existence et la mort. Il a retrouvé en elles les réalités fugitives qui l’ont bouleversé et qu’il a toujours évité de recouvrir d’un esthétisme d’emprunt. Sous forme réelle, virtuelle ou mentale, elles fusionnent ensuite avec la musique spirituelle de deux bols chantants bouddhistes. L’auteur propose aussi deux poèmes en prose qu’il a écrits pour accompagner avec une musique de méditation, toutes ces photographies faussement simples et empreintes de vie et de justesse. Il a enfin tenu à rendre hommage à l’ancienne écriture vietnamienne *Chữ Nôm* dans ce livre multimédia dénommé *zixbook* qui associe image, texte et son pour créer l’*image sensorielle*.

Afterword

To get straight to the point, I love both the concept of *zixbook*, invented by Bùi Huy Trang, and the one hundred photos he has selected to portray Vietnam. Each seems the ideal medium for evoking this country – and more specifically its people – to which I have, for such a long time, been attached in a thousand myriad ways. Just writing that makes me think of the extraordinary agility of the Vietnamese, who, just like ourselves, are now immersed in the overwhelmingly bewildering age of modern technology. It also makes me think of the unique attachment to tradition of this people, marked more than any other by its history and tragedy.

I first discovered Vietnam in the late 1960s, when the “Thirty Years’ war” was raging. Ever since, I have never missed a chance to go back, and back and back again. Why? For a reason which, it seems to me, the hurried tourist barely notices. In Vietnam the sheer tenacity of the peasant, the storekeeper, the soldier comes hand-in-hand with an indefinable beauty, in the landscape, naturally, but also in a certain softness, a smile, a particular elegance. The Vietnamese thus give the impression that daily life is something of a game, even in the very harshest circumstances.

The insignificant activities of everyday life – eating, driving a scooter, irrigating a rice field, picking rice – always seem to be performed as if with a slight shift to the side, a space for amusement, an imperceptible manner of “playing a game” which, no doubt, helps lighten the burden. Perhaps my love for the country makes me naive, but I’ve always been drawn to that infinitesimal trace of “play”, a tremor that adds to the country’s charm, and which is something hinted at in Bùi Huy Trang’s photographs. The Vietnamese, for all their seriousness and tenacity, seem never to take themselves completely seriously. There

is something childlike in the country, and not simply because, demographically-speaking, it is has one of the youngest populations in the world. I often think of that minuscule triangle of skin revealed by the woman’s *áo dài*, between the trouser belt and the split down the sides of the tunic, imagining it to be part of a highly subtle game played between a man and a woman.

As for the landscapes of Vietnam, however extraordinarily varied they are, the Delta plains, the embossed relief of the High Plateaus, the beaches of Nha Trang and Da Nang, that imperceptible trace of the “game” is everywhere. It is so intimately bound to the beauty that it is easy to understand the genuine enchantment felt from the nineteenth century on by Western “explorers” of Indochina. As we can see in their travel writings, published at the time in *L’Illustration*, and from which I learned a great deal, especially the writings of Dr. Charles-Édouard Hocquard who, from February 1884 to April 1886, took part in the Tonkin Campaign. Apart from his impeccable erudition, his accounts reflect a something like a bedazzled passion toward the land and the people, a passion that was shared throughout the twentieth century by several generations of civil servants, soldiers, journalists and administrative staff all so in love with Indochina that people started to call them “Asiatics”. It’s disturbing to realize that, in Hocquard’s writings, like those of Jules Ferry, we find descriptions of the “magic of Indochina” prefiguring the descriptions of the great novelists and journalists of the interwar period and the 1940s, such as Lucien Bodard, Paul Mus, Albert Londres, Jean Lacouture and many others.

At the end of the nineteenth century, these fascinated explorers were already writing of the rice fields stretching to infinity, framed by cloud-topped mountains. They described the meticulous honeycomb compartmentalization

which, centimeter by centimeter, disciplines land and water as far as the eye can see; crisscrossed by a network of clay dikes across which women hurry, their shoulders bent under the weight of their bamboo yoke; the actions and rhythms – two men stand opposite each other, rhythmically swinging their irrigation buckets at the end of a rope, the yoked buffalo cautiously padding knee-deep through the water, and other buffalo caked in dried mud, monstrous statues of clay that obey the orders of children who, as if at play, harness them by the nostrils or squat on their boney backs like Indian elephant drivers. They also wrote of the flotillas of ducks that cast off in their thousands across the rivers and lakes.

Such splendor, described in this way, was not just some endlessly hashed out color print, it already was Vietnam. It was that indestructible identity of the Vietnamese, including that trace of play, which will survive through whatever tragedies the future holds in store. But that is just one facet of reality. Without denying their past, the Vietnamese of today, to whom Bùi Huy Trang has dedicated his photos, don’t want us to forget that they also live in a country “just like any other country”, with all its problems, its injustices, its daily life and its plans for the future. Rooted in the present, modern Vietnam, *zixbook* – also – is presented as a sort of technological and editorial “game”. As you may imagine, I rather like that.

Jean-Claude Guillebaud
French journalist and writer*

*Born in Algiers in 1944, he is an award-winning author, journalist, editor and lecturer known for his work in the world of ideas. A former war correspondent, he fell in love with Vietnam and Ethiopia, and was awarded the Albert Londres Prize in 1972 for his coverage of the Vietnam War. A one-time Sixties liberal, he has been a leading voice for the European Left for 25 years, analyzing and writing about social and political issues from a multinational perspective. He also directed the international organization Reporters without Borders (1987-1993). Since 2008 he has been a member of the supervisory board of the press group Bayard Presse. In 2016 he served as President of the Jury for the Bayeux-Calvados Award for War Correspondents. His books include: *Return to Vietnam* (1994), *The Tyranny of Pleasure* (1999) and *Re-founding the World: A Western Testament* (2001).

Lời bạt

Ta hãy đi thẳng vào điều cốt yếu: tôi bị quyến rũ bởi cả khái niệm *zixbook*, một phát kiến của Bùi Huy Trang, lẫn cách ông chọn một trăm bức ảnh để gọi tả Việt Nam. Tôi thấy cả hai đều thích hợp để gọi tả đất nước này và đặc biệt nhất là nhân dân của nó. Từ lâu, hàng ngàn mối liên hệ đã gắn bó tôi với đất nước này, và đặc biệt hơn là nhân dân này. Viết những điều này, tôi nghĩ đến tính hoạt bát phi thường của người Việt; ngày nay họ cũng như chúng ta ngập chìm trong một thứ hiện đại công nghệ phiến toái. Tôi cũng nghĩ đến sự gắn bó đặc biệt với truyền thống cùng một lúc bộc lộ ở dân tộc này, một dân tộc mang đậm dấu vết lịch sử cùng những bi kịch của nó hơn bất cứ dân tộc nào khác.

Tôi đã phát hiện đất nước này vào cuối những năm 1960, khi mà “cuộc chiến tranh Ba Mươi Năm” đang hoành hành ở đó. Từ đó đến nay, tôi không bao giờ bỏ lỡ một cơ hội nào để quay lại đây, lần nữa rồi lần nữa. Tại sao? Vì một lý do mà tôi thấy hình như các du khách vội vã không mấy để ý tới. Ở đất nước này, sự ngoan cường của người nông dân, người buôn bán, hay người lính, kết hợp một vẻ đẹp không thể xác định rõ, tạo nên bởi phong cảnh đã dành, mà còn bởi sự dịu dàng, nụ cười và sự tinh tế đặc thù nữa. Cho nên, ta có cảm giác như người Việt Nam lưu giữ trong cuộc sống hằng ngày một phần của “trò chơi”, kể cả trong những hoàn cảnh cam go nhất.

Những hoạt động nhỏ nhặt trong cuộc sống thường nhật - ăn ở, đi lại bằng xe máy, tưới tiêu ruộng, cấy lúa - luôn giữ một độ chênh rất nhỏ, một kiểu chơi, một cách “đóng trò” tinh tế khó bẻ nhận ra được, điều đó chắc hẳn đã góp phần giảm nhẹ gánh nặng. Có thể tình yêu của tôi với đất nước này đã khiến tôi trở nên ngây thơ, nhưng quả là tôi luôn luôn bị hấp dẫn bởi cái phần “trò chơi” nhỏ xíu đó, cái đường chỉ lượn sóng mang nét duyên của đất nước này, mà những tấm ảnh của ông Bùi Huy Trang hé mở cho ta thấy. Dân Việt Nam, những con người nghiêm túc và gan lì, có vẻ

như không bao giờ tự cho mình hoàn toàn quan trọng. Đất nước này có chất con trẻ và không phải chỉ vì, xét về mặt dân số, đó là một trong những nước trẻ nhất trên trái đất. Tôi thường hay nghĩ đến cái khoảng da hình tam giác bé tí tẹo thấp thoáng lộ ra giữa đai lưng quần và cái kê ngang của chiếc áo dài nữ, và nhìn thấy ở đó một trò chơi tinh vi giữa người đàn ông và người đàn bà.

Còn về phong cảnh Việt Nam, mặc dù đa dạng khác thường, từ những đồng bằng vùng châu thổ, những bãi biển ở Nha Trang hay Đà Nẵng cho đến những đồi núi ở Tây Nguyên, cái phần “trò chơi” cực nhỏ ấy lại hiện diện ở khắp nơi. Nó gắn liền mật thiết với vẻ đẹp chung, đến nỗi ta có thể dễ dàng hiểu vì sao, từ thế kỷ 19, những người phương Tây “phát hiện” ra Đông Dương đã thực sự bị mê hoặc. Bằng chứng là những du ký của họ đăng trên tờ *L'Illustration* hồi ấy, mà trong một thời gian dài, tôi đã tận dụng, nhất là những bài của bác sĩ Charles-Édouard Hocquard, người đã tham dự chiến dịch Bắc Kỳ từ tháng 2/1884 đến tháng 4/1886. Trong những mẫu chuyện ấy, ngoài một sự uyên bác không khi nào khiếm khuyết, tác giả biểu lộ một sự thán phục đầy tình yêu đối với đất nước này. Một sự thán phục mà suốt cả thế kỷ 20, nhiều thế hệ công chức, bộ trưởng, nhà báo hoặc quan chức hành chính, cùng chia sẻ, họ mê Đông Dương đến độ người ta đâm có thói quen gọi họ là “dân châu Á”. Thật xao xuyến khi nhận thấy dưới ngòi bút của Hocquard cũng như của Jules Ferry những đoạn mô tả cái “ma lực của Đông Dương” báo hiệu cho những đoạn mô tả của các tiểu thuyết gia lớn hay những ký giả lớn của thời kỳ giữa hai cuộc chiến và những năm 1940, như Lucien Bodard, Paul Mus, Albert Londres, Jean Lacouture và nhiều người khác nữa.

Thật vậy, cuối thế kỷ 19, những người phát hiện bị mê hoặc ấy đã nói đến những cánh đồng bắt tận bao quanh bởi những dãy núi lốm đốm mây tích. Họ mô tả sự ngăn

chia tỉ mỉ thành từng ô như lỗ tổ ong, khuôn định đất và nước vào quy củ đến từng xăngtimét tới tận chân trời; những con đê đắp bằng đất sét chạy thành những đường kẻ ô vuông, trên đó lon ton những người đàn bà, vai oằn xuống dưới chiếc đòn gánh; những động tác và những tiết tấu ấy - những chiếc gầu tát nước với hai người đàn ông đối diện nhau cầm hai đầu dây đu đưa theo nhịp đều đặn, những con trâu mắc cày thận trọng lội bì bõm trong nước ngập đến nửa bắp chân hoặc những con trâu khác mình trát đầy bùn khô, hết như những pho tượng đất sét quái dị, ngoan ngoãn tuân theo những đứa trẻ dắt chúng bằng sợi thừng xỏ mũi, khác nào một trò chơi, hoặc ngồi bành choe trên chúng như những quân tượng Ấn Độ. Họ cũng đã nói đến những “hạm đội” vịt hàng nghìn con rầm rộ trên mặt sông hoặc mặt hồ.

Về lộng lẫy được mô tả như vậy không phải là một bản in lito màu nhàu nhĩ, từ đạo ấy nó đã là Việt Nam. Từ đạo ấy nó đã tương ứng với bản sắc Việt Nam, cái bản sắc bất khả huỷ diệt - bao gồm cả phần trò chơi - sẽ trường tồn vượt qua tất cả mọi bi kịch chờ đón nó. Nhưng nó chỉ là một khía cạnh của thực tại. Không phủ nhận quá khứ, người Việt Nam ngày nay, đối tượng mà ông Bùi Huy Trang dang hiến tập ảnh này cho họ, muốn nhắc chúng ta nhớ rằng họ cũng sống trong một nước “như những nước khác”, với những khó khăn, những bất công, cuộc sống hằng ngày và những dự định tương lai của họ. Neo chắc vào nước Việt Nam hiện đại, tập *zixbook* này cũng ra mắt như một thứ “trò chơi” công nghệ và biên tập. Điều đó, chắc mọi người thừa hiểu, đâu có làm tôi không vừa lòng!

Jean-Claude Guillebaud

Nhà báo, nhà văn Pháp*

^[1] Ông Jean-Claude Guillebaud sinh năm 1944 tại thủ đô Alger, là nhà báo, đặc phái viên chiến trường, văn sĩ và chuyên viên diễn thuyết. Ông đã được giải thưởng Albert Londres năm 1972 bởi những bài phóng sự về chiến tranh Việt Nam. Ông cũng đã hướng dẫn nhóm R.S.F. “Các phóng viên vô biên giới” (1986-1993). Ông là một tiếng nói đặc thù và ở ngoài các lược đồ của nền văn hóa Âu châu. Trong trên 30 tác phẩm của ông có các cuốn như: Ngọn đồi của các thiên thần - Trở về Việt Nam (1993) (giải thưởng Astrolabe với Raymond Depardon), Nguyên tắc của nhân bản tính (2001) (giải thưởng Tiểu luận Âu châu Charles Veillon), Sức mạnh của xác tín: chúng ta có thể tin vào cái gì? (2005), Sự lẫn lộn các giá trị (2009), Một đời sống khác là có thể (2012) và Nỗi đau đón của chiến tranh (2016).

Postface

Allons à l’essentiel : je suis séduit, tout à la fois par le concept de *zixbook*, inventé par Bùì Huy Trang, et par son choix des cent photos pour évoquer le Vietnam. L’un comme l’autre me semblent appropriés pour évoquer ce pays – et plus particulièrement son peuple – auxquels mille liens me rattachent. Et depuis longtemps. Écrivant cela, je pense à l’extraordinaire agilité des Vietnamiens, immergés comme nous aujourd’hui, dans une modernité technologique dérangeante. Je pense aussi à l’attachement particulier pour la tradition dont témoigne, dans le même temps ce peuple marqué plus qu’aucun autre par l’histoire et ses tragédies.

J’ai découvert ce pays à la fin des années 1960, alors que la « guerre de Trente Ans » y faisait rage. Depuis lors, je n’ai jamais raté une seule occasion d’y retourner, encore et encore. Pourquoi ? Pour une raison à laquelle, me semble-t-il, les touristes pressés ne prêtent pas assez attention. Dans ce pays, et depuis toujours, l’opiniâtreté du paysan, du commerçant ou du soldat se conjugue avec une beauté indéfinissable, faite de paysages, bien sûr, mais aussi de douceur, de sourire, de raffinement spécifique. Ainsi les Vietnamiens donnent-ils l’impression de garder à la vie quotidienne une part de « jeu », y compris dans les plus rudes circonstances.

Les activités menues de la vie quotidienne – manger, circuler en scooter, irriguer une rizièrè, repiquer le riz – gardent toujours une sorte d’infime décalage, un espace ludique, une façon imperceptible de « jouer à… » qui, sans doute, contribue à alléger le fardeau. Peut-être mon amour pour ce pays me rend-il naïf, mais j’ai toujours été captivé par cette infime part de « jeu », ce tremblé qui participe du charme de ce pays, et que les photos de M. Bùì Huy Trang laissent entrevoir. Les Vietnamiens, gens sérieux et obstinés, paraissent ne jamais se prendre tout à fait au

sérieux. Il y a de l’enfance dans ce pays, et pas seulement parce qu’il est, démographiquement, l’un des plus jeunes de la terre. Je songe souvent, en y voyant un jeu très subtil entre l’homme et la femme, à ce minuscule triangle de peau que laisse entrevoir l’*áo dài* féminin, entre la ceinture du pantalon et la fente latérale de la tunique.

Quant aux paysages vietnamiens, bien qu’ils soient extraordinairement variés, des plaines du Delta aux bosselures des Hauts Plateaux, en passant par les plages de Nha Trang ou Da Nang, l’imperceptible part de « jeu » y est omniprésente. Elle est si intimement liée à la beauté qu’on peut comprendre le véritable envoûtement ressenti, dès le xix^e siècle, par les « découvreurs » occidentaux de l’Indochine. En témoignent leurs récits de voyage, publiés à l’époque, dans *L’Illustration*, et dont je fis longtemps mon profit, notamment ceux du docteur Charles-Édouard Hocquard qui, de février 1884 à avril 1886, participa à la campagne du Tonkin. Dans ces récits, au-delà d’une érudition jamais prise en défaut, s’exprime à l’endroit de ce pays et de ses habitants une manière d’éblouissement amoureux. Un éblouissement que partageront, tout au long du xx^e siècle, plusieurs générations de fonctionnaires, de militaires, de journalistes ou d’administrateurs à ce point séduits par l’Indochine qu’on prendra l’habitude de les appeler les « asiates ». Il est troublant de constater que, sous la plume de Hocquard, comme sous celle de Jules Ferry, on trouve des descriptions de la « magie indochinoise » qui annoncent celles des grands romanciers ou journalistes de l’entre-deux-guerres et des années 1940. Que l’on songe à Lucien Bodard, Paul Mus, Albert Londres, Jean Lacouture et bien d’autres…

À la fin du xix^e siècle, en effet, ces découvreurs fascinés parlent déjà de l’infini des rizières qu’encadrent des montagnes mouchetées de cumulus. Ils décrivent ce compartimentage méticuleux en alvéoles d’abeilles qui,

centimètre par centimètre, discipline la terre et l’eau jusqu’à l’horizon ; ces quadrillages de digues glaiseuses où trottaient des femmes, l’épaule penchée sous le poids de la palanche ; ces gestes et ces rythmes – les godets d’irrigation que deux hommes tiennent face à face et balancent en cadence au bout d’une corde, le pataugeage précautionneux des buffles attelés dans l’eau jusqu’à mi-pattes ou d’autres buffles caparaçonnés de boue séchée, monstrueuses statues d’argile obéissant à des enfants qui, à la manière d’un jeu, les remorquent par les naseaux ou se tiennent accroupis sur leur échine comme des cornacs hindous. Ils évoquent déjà ces flottilles de canards qui appareillent sur les rivières ou les étangs, par milliers.

Cette splendeur ainsi décrite n’était pas un chromo rabâché, elle était déjà le Vietnam. Elle correspondait déjà à cette indestructible identité vietnamienne qui, part de jeu comprise, survivra à toutes les tragédies à venir. Mais elle n’est qu’une facette de la réalité. Sans renier leur passé, les Vietnamiens d’aujourd’hui, auxquels M. Bùì Huy Trang consacre ses photos, veulent nous rappeler qu’ils vivent aussi dans un pays « comme les autres », avec ses difficultés, ses injustices, sa vie quotidienne et ses projets d’avenir. Ancré dans le Vietnam moderne d’aujourd’hui, le *zixbook* se présente - aussi - comme une sorte de « jeu » technologique et éditorial. Ce n’est pas pour me déplaire, on l’aura compris.

Jean-Claude Guillebaud

Écrivain et journaliste français*

* Né à Alger en 1944, amoureux du Vietnam et de l’Éthiopie, il est journaliste et grand reporter (Prix François-Jean Armorin en 1967 et Prix Albert Londres en 1972 pour sa couverture de la guerre du Vietnam), Président de Reporter sans frontières, écrivain, essayiste, conférencier et éditeur. Ses livres allient les défenses de l’héritage chrétien et de la tradition des Lumières. Le thème de la religion s’impose comme une question fondamentale de son oeuvre. Sa série en sept volumes sur le « désarroi contemporain » a été couronnée par des récompenses internationales. Parmi ses nombreux ouvrages figurent : *La colline des Anges : Retour au Vietnam* (1993), *La Tyrannie du plaisir* (1998), *Le Principe d’humanité* (2001), *La Force de conviction* (2007), *Voulons-nous d’un monde désincarné ? : Promesses et menaces de la cyberculture* (2014) et *Le Tourment de la guerre* (2016).

Sponsors

Sponsors

My deep and sincere thanks to:

My mother Học and my wife Thanh Binh
for providing the inspiration for this ambitious project,

Lady Borton, Jean-Claude Guillebaud and Nguyễn Huy Thiệp
for their generous and outstanding texts,

Ngô Minh Đường from Thanh Binh stores
for his spontaneous offer of patronage,

Leica Fotografie International magazine and Katrin Ullmann
for their honorable support and remarkable culture of the picture,

Fedrigoni paper manufacturer and Grafiche Antiga printing company
for their excellence and noble offer of sponsorship,

Clément Regard from Les Artisans du Regard studio
for his high-level photo-engraving,

Joëlle Parreau for her innate talent for graphic design,

Nguyễn Quang Thắng for his rare mastery of Nôm calligraphy,

Philippe Masson for his unparalleled video and photographic skills,

Christopher Lloyd Clarke for his sublime spiritual music,

Natalie Byrne, Phan Huy Đường, Phùng Hồng Minh and Trần Dương Tường
for their unparalleled translations or revisions,

very particularly all the fellow country men, women and children
who heartily welcomed me anywhere in the world
and allowed me and my camera to rush through their lives,
and, if there's anyone I may have forgotten, please forgive my negligence.

Bùi Huy Trang

Tôi xin dành lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến:

Mẹ tôi Học và vợ tôi Thanh Bình,
vì đã tạo cảm hứng cho tôi đến với dự án đầy tham vọng này,

Lady Borton, Jean-Claude Guillebaud và Nguyễn Huy Thiệp
vì những bài viết hào phóng và đáng kể của họ,

Ngô Minh Đường từ chuỗi cửa hàng Thanh Bình
vì hành động đỡ đầu đầy ngẫu hứng cho dự án,

Tạp chí Leica Fotografie International và Katrin Ullman
vì sự hỗ trợ đáng quý cùng văn hóa hình ảnh đáng ngưỡng mộ của họ,

Công ty giấy Fedrigoni và nhà in Grafiche Antiga
vì văn hóa ưu tú đầy ấn tượng của họ,

Joëlle Parreau vì thiết kế đồ họa xuất sắc của cô,

Clément Regard từ chuỗi xưởng Les Artisans du Regard
vì những bức ảnh bản kẽm chất lượng cao của anh,

Nguyễn Quang Thắng vì khả năng làm chủ nghệ thuật thư pháp chữ Nôm
thật hiếm hoi,

Philippe Masson vì những khả năng có một không hai của anh
trong lĩnh vực nhiếp ảnh và video,

Christopher Lloyd Clarke vì âm nhạc tâm linh tuyệt diệu của anh,

Natalie Byrne, Phan Huy Đường, Phùng Hồng Minh và Trần Dương Tường
vì chất lượng bản dịch tuyệt vời,

và đặc biệt là tất cả các đồng bào của tôi, đàn ông, phụ nữ và trẻ em,
những người đã đứng trước ống kính của tôi, tiếp đón tôi nồng nhiệt
và cho phép tôi lưu giữ bằng hình ảnh những khoảnh khắc duy nhất
trong đời họ;
và cuối cùng là tất cả những ai mà vì vô ý tôi quên không nhắc tới,
nhưng sẽ lượng thứ cho thiếu sót này của tôi.

Bùi Huy Trang

Mes profonds et sincères remerciements à :

Ma mère Học and mon épouse Thanh Binh
pour m’avoir inspiré ce projet ambitieux,

Lady Borton, Jean-Claude Guillebaud et Nguyễn Huy Thiệp
pour leurs textes remarquables et généreux,

Ngô Minh Đường des magasins Thanh Binh
pour son action spontanée de parrainage,

Le magazine Leica Fotografie International et Katrin Ullmann
pour leur honorable soutien et leur admirable culture de l’image,

Le papetier Fedrigoni et l’imprimeur Grafiche Antiga
pour leur impressionnante culture de l’excellence,

Clément Regard de l’Atelier Les Artisans du Regard
pour sa photogravure de haut vol,

Joëlle Parreau pour son talent naturel pour la conception graphique,

Nguyễn Quang Thắng pour sa rare maîtrise de la calligraphie Nôm,

Philippe Masson pour ses compétences hors pair en photographie et vidéo,

Christopher Lloyd Clarke pour sa sublime musique spirituelle,

Natalie Byrne, Phan Huy Đường, Phùng Hồng Minh and Trần Dương Tường
pour leurs traductions ou révisions hors pair,

et tout particulièrement, les compatriotes, hommes, femmes et enfants,
qui m’ont en tout point du globe, chaleureusement accueilli
et permis de saisir en images des instants uniques de leur vie ;
que toute personne que j’aurais oubliée, me pardonne ma négligence.

Bùi Huy Trang

Photography: Bùi Huy Trang

All pictures were shot with Leica rangefinder cameras and lenses
on Kodak Tri-X, Portra and Fuji Reala films.

Foreword: Nguyễn Huy Thiệp

Point of view: Lady Borton

Afterword: Jean-Claude Guillebaud

Prose poetry: Bùi Huy Trang

Translation:

Natalie Byrne, Phan Huy Đường, Phùng Hồng Minh, Trần Dương Tường

Book design: Joëlle Parreau

Nôm calligraphy: Nguyễn Quang Thắng

Photo-engraving: Clément Regard / Les Artisans du Regard, Paris

Music: Christopher Lloyd Clarke

Mindfulness Bell 1 & 2, Tribal Eve and *The Shaman*

Licensed by Enlightened Audio

Slideshow editing: Philippe Masson

Slideshow making: Bùi Huy Trang

First printed in Dec. 2019 by Grafiche Antiga, Treviso, Italy

on Fedrigoni Freelifelife Vellum Premium White 140 g/m²

and Imitlin Fiandra Neve 125 g/m²

All rights reserved in all countries. No part of the texts, photographs or sound
contained in this publication may be reproduced, adapted or represented
in any form or by any means without the prior written consent of the publisher.



9 782917 585030

ISBN: 978-2-917585-03-0

Registered copyright: Dec. 2019

© 2019 Zixbook™

www.zixbook.com